

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC THỦY
TỈNH HÒA BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: /2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 31/08/2022

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC THỦY, TỈNH HÒA BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Thái Hùng Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Hải.

Bà Nguyễn Thị Khánh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2022/ HNGD ngày 02 tháng 3 năm 2022, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXX-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 08 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị BTĐ, sinh năm 1977. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị Đơn: anh LVQ, sinh năm 1976. (Vắng mặt).

Cùng trú tại: thôn ST, xã ĐT, huyện LT, tỉnh Hòa Bình.

Người làm chứng:

- Chị ĐTC. (Vắng mặt)

Trú tại: thôn ST, xã ĐT, huyện LT, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn chị BTĐ trình bày như sau: Sau quá trình tìm hiểu, Tôi và anh LVQ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TM (nay là xã TT), huyện MC, tỉnh Hòa Bình. Sau kết hôn, hai vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn, tiếp đó, thường xuyên xảy ra va chạm, cãi cọ nhưng vì thương con nên tôi cố gắng chung sống. Đến năm 2018, mâu thuẫn của hai vợ chồng xảy ra trầm trọng hơn, anh Q thường xuyên mắng chửi. Dù

đã được chính quyền thôn hòa giải, can thiệp nhiều lần nhưng mâu thuẫn của vợ chồng tôi không cải thiện. Do đó, tôi đã sống ly thân với anh Q gần 4 năm nay. Tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Q.

Về con chung: Tôi và anh Q có 03 con chung: LVD, sinh ngày 28/6/1996; LVT, sinh ngày 14/8/1998 và LHQ, sinh ngày 19/8/2008. Hai con: LHD và LVT đã trưởng thành, Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn con LHQ, hiện đang là học sinh, ở cùng với tôi. Tôi có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con, chưa yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng tôi không có.

Đối với bị đơn anh LVQ: Bị đơn là anh LVQ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án nhưng anh LVQ vẫn không có mặt tại Tòa án, do đó Tòa án không ghi được lời khai và không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh LVQ vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Người làm chứng chị ĐTC: Vợ chồng chị D, anh Q có xảy ra cãi vã, hiện tại hai anh chị đã sống ly thân.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, điều 71 của BLTTDS. Đối với bị đơn LVQ mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, như vậy anh LVQ đã từ bỏ quyền của mình quy định tại các Điều 70, 72 của BLTTDS.

Việc xét xử vắng mặt anh LVQ đã được Tòa án tổng đạt niêm yết giấy triệu tập hợp lệ theo đúng quy định tại Điều 177; Điều 179 BLTTDS. Nguyên có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên vụ án được xét xử theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 BLTTDS.

Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D, anh Q mâu thuẫn đã lâu, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn xin ly hôn và giải quyết cho chị D được ly hôn với anh LVQ.

- Về con chung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật HN&GD giao con chung LHQ, sinh ngày 19/8/2008 cho chị BTD trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị D chưa yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung, công nợ chung: chị D khai không có, không yêu cầu giải quyết; quá trình giải quyết vụ án, anh Q không có mặt để giải quyết nên đề nghị HĐXX không giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX tuyên theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:

Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn ST, xã ĐT, huyện LT, tỉnh Hòa Bình, nên Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Nguyên đơn là chị D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh LVQ đã được triệu tập hợp lệ để ghi lời khai, trình bày ý kiến, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có mặt theo giấy triệu tập. Tòa án đã xác minh tại gia đình và nơi cư trú của anh LVQ nhưng anh Q từ chối không nhận văn bản tố tụng, không làm việc với Tòa án nên Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của BLTTDS nhưng anh LVQ vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh LVQ, chị BTD và người làm chứng chị ĐTC theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 của BLTTDS là phù hợp.

[3] Về nội dung vụ án:

*** Về quan hệ hôn nhân:**

Chị BTD và anh LVQ kết hôn năm 1996, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã TM (nay là xã TT), huyện MC, tỉnh Hòa Bình. Quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh Q là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống có thời gian sống hạnh phúc. Sau đó, anh chị có xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra va chạm, cãi cọ. Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được hòa giải nhưng không thành mà mâu thuẫn ngày một lớn hơn, cả hai đã sống ly thân, chị D đã dọn ra ở riêng. Giữa chị D và anh Q không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy cuộc sống chung giữa chị D, anh Q không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị D có nguyện vọng xin được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

*** Về con chung:** chị D, anh Q có 03 con chung:

LVD, sinh ngày 28/6/1996; LVT, sinh ngày 14/8/1998 và LHQ, sinh ngày 19/8/2008. Hai con là: LHD và LVT đã trưởng thành, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp nên HĐXX không xem xét.

Cháu LHQ, hiện là học sinh, đang ở cùng với chị D. Xét nguyện vọng của chị D là được nuôi dưỡng cháu Quyết và cháu Quyết có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ, nên Hội đồng xét xử giao cháu LHQ cho chị D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác là phù hợp với quy định tại các Khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quyền thăm nom con của anh Q được thực hiện theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D chưa yêu cầu nên HĐXX không đề cập.

*** Về tài sản chung, công nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[4] Về án phí: Chị BTD phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 177; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Khoản 2 Điều 229; Điều 271; Điều 273 BLTTDS;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, xử cho chị BTD được ly hôn với anh LVQ.

2. Về con chung: Giao con chung LHQ, sinh ngày 19/8/2008 cho chị BTD trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Quyết đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh LVQ được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D chưa yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị BTD phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000082 ngày 02/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy .

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Thủy;
- Chi cục THADS huyện Lạc Thủy;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Ba Hàng Đồi;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Thái Hùng Dũng